

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT:

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Địa chỉ trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp)
số:..... do..... cấp
ngày tháng..... năm
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
 -
 -

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

1. Hình minh họa:

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Cơ quan cấp phép (1) | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ Số: Cấp lần thứ: (Cấp lần đầu: Số ngày.....thángnămnơi cấp.....) | |
| <ul style="list-style-type: none">• Cấp cho đơn vị:.....• Địa chỉ:• Số điện thoại:• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) sốngày tháng năm cơ quan cấp• Họ và tên người đại diện hợp pháp:• Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô: - - - - ... | |
| Giấy phép có giá trị đến hết ngày/...../..... | |
| | Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu) |

2. Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:
 - + Dòng "GIẤY PHÉP" và dòng "KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ" in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 – 18, màu đỏ đậm;
 - + Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng...năm.....

PHƯƠNG ÁN

KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).

- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.

- Tuyến khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.

- Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có gường nằm hai tầng.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.

- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.

- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.

- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công- ten – nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường...).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

HỒ SƠ LÝ LỊCH PHƯƠNG TIỆN

Đơn vị vận tải:.....

HỒ SƠ LÝ LỊCH PHƯƠNG TIỆN

Biển kiểm soát:

Số máy:

Số khung:

Chủ sở hữu:

Nhãn hiệu:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Trọng tải:

Cải tạo:

Nguyên chiếc:

Thuộc sở hữu (hoặc quản lý, sử dụng) từ ngày: / /

BẢNG THEO DÕI QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA

Năm

| TT | Nội dung | Tháng | | | | | | | | | | | | Tổng cộng | T/g BDSC, cải tạo thực tế | Địa điểm BDSC, cải tạo |
|----|------------------------|-------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|-----------|---------------------------|------------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | | | |
| 1 | Km xe chạy trong tháng | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Km xe chạy lũy kế | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Số chuyến trong tháng | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Số chuyến xe lũy kế | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Bảo dưỡng | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - vv | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Sửa chữa | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Hệ thống phanh | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Sơn lại xe | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - vv..... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Cải tạo | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--|----------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | - Thay đổi công năng | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Thùng xe | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - vv..... | | | | | | | | | | | | | | | |

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

LÝ LỊCH HÀNH NGHỀ LÁI XE

Trang 1:

(Tên đơn vị vận tải)

LÝ LỊCH HÀNH NGHỀ LÁI XE

Họ và tên:

Ngày sinh:

Số Giấy phép lái xe.....cơ quan cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

THEO DÕI TAI NẠN GIAO THÔNG

| Thời gian | Địa điểm | Thiệt hại về người, phương tiện | Nguyên nhân |
|-----------|----------|---------------------------------|-------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Khen thưởng:

.....

.....

.....

.....

.....

Kỷ luật :

.....

.....

.....

.....

.....

Phụ lục 6

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Nội dung đăng ký

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách của Bộ Giao thông vận tải (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 7

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI TRÊN TUYẾN CÓ ĐỊNH

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng..... theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạngcủa Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).
5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:
Tỉnh đi tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:
 - a) Đạt chất lượng dịch vụ loại.....(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).
 - b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....
 - c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.

Phụ lục 8a

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: /.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng....năm.....

KẾ HOẠCH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

I. Tổ chức đảm bảo an toàn giao thông của đơn vị vận tải

1. Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

2. Người phụ trách bộ phận an toàn: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

3. Tổ chức bộ phận theo dõi an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận chuyển công-ten-nơ).

4. Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

5. Công tác tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, khám sức khỏe cho lái xe.

II. Kế hoạch tổ chức vận tải an toàn

1. Đối với hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt:

- Kế hoạch đảm bảo an toàn phương tiện: tổng số phương tiện, số xe vận doanh bình quân, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa phương tiện, nội dung kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện trước khi đưa xe ra hoạt động hàng ngày (bao gồm kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị giám sát hành trình xe).

- Lịch trình vận tải cho các chuyến xe trong một chu kỳ vận tải (một vòng xe chạy, bao gồm thời gian dừng đón, trả khách và thời gian dừng nghỉ bắt buộc) trên các tuyến đảm bảo không chạy quá tốc độ.

- Kế hoạch tổ chức lao động cho lái xe và nhân viên phục vụ: tổng số lái xe có giấy phép lái xe đúng quy định, số lái xe bình quân đủ điều kiện làm việc; số giờ lái xe làm việc trong ngày (24 tiếng)/số giờ xe hoạt động trên tuyến trong ngày (24 tiếng).

- Các nội dung đảm bảo an toàn giao thông khác.

2. Đối với hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi và vận tải hàng hoá:

- Kế hoạch đảm bảo an toàn phương tiện: tổng số phương tiện, số xe vận doanh bình quân, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các phương tiện, nội dung kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện trước khi đưa xe ra hoạt động hàng ngày (bao gồm kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị giám sát hành trình xe).

- Kế hoạch tổ chức lao động cho lái xe: tổng số lái xe có giấy phép đúng quy định, số lái xe bình quân đủ điều kiện làm việc, số giờ lái xe làm việc trong ngày (24 tiếng).

- Các nội dung đảm bảo an toàn giao thông khác.

III. Tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông

Kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ (nếu có).

IV. Kiểm tra, giám sát về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

1. Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe thông qua thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô:

- Xây dựng phương pháp và biểu mẫu thống kê số lần vi phạm theo các tiêu chí về hành trình, vận tốc, thời gian lái xe liên tục, dừng đỗ không đúng quy định;

- Thủ tục, phương tiện, cách thức cảnh báo cho lái xe trong khi đang điều khiển phương tiện;

- Biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn giao thông đối với phương tiện của đơn vị.

2. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm các quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe và nhân viên phục vụ trên xe (nếu có).

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 8b

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

| Bước | Nội dung | Tổ chức, cá nhân thực hiện | Thời điểm thực hiện |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1 | <ul style="list-style-type: none">- Tập hợp, phân tích các dữ liệu về hoạt động của từng phương tiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vận chuyển của lần gần nhất thông qua thiết bị giám sát hành trình (đối với các phương tiện lắp đặt thiết bị GSHT) và qua các biện pháp quản lý khác của đơn vị, từ đó đánh giá ưu, nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất.- Tiếp nhận và xử lý các đề xuất, phản ánh của lái xe về các vấn đề liên quan đến ATGT. | Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị VT bắt buộc phải có) hoặc cán bộ được phân công theo dõi ATGT tại các đơn vị VT khác. (Sau đây gọi là: Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT) | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe. |
| | <ul style="list-style-type: none">- Tập hợp các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, tìm hiểu và nắm bắt các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển...- Bố trí xe và lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển (đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo đúng quy định). | Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng) | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe |
| 2 | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng) chuyển các thông tin tại bước 1 cho cán bộ được lãnh đạo phân công trực tiếp giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng) | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe. |

| | | | |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 3 | <p>Giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra Giấy phép lái xe; Giấy chứng nhận kiểm định; đăng ký xe; Lệnh vận chuyển (đối với vận chuyển khách theo tuyến cố định, xe buýt). - Giao cho lái xe các giấy tờ phải mang theo khác như: Hợp đồng vận tải, giấy vận tải ... - Thông báo cho lái xe những ưu, nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất. - Thông báo cho lái xe các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển ... - Kiểm tra nồng độ cồn đối với lái xe (nếu có thiết bị) - Ghi chép vào Sổ giao nhiệm vụ cho lái xe (theo mẫu số 1), lái xe ký xác nhận. | Cán bộ được lãnh đạo phân công và lái xe | Trước khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển |
| 4 | <p>Kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận lái xe qua thiết bị GSHT (đối với xe có lắp đặt) và kiểm tra tình trạng sẵn sàng hoạt động của thiết bị GSHT. - Kiểm tra nước làm mát, dầu động cơ, bình điện, các dây cu roa. - Kiểm tra hệ thống lái. - Kiểm tra các bánh xe (độ chặt của bu lông bánh xe, tình trạng và áp suất của lốp). - Khởi động phương tiện và kiểm tra hoạt động của gạt nước, còi và các loại đèn. - Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh (thắng). - Ghi chép kết quả kiểm tra vào biểu Kết quả kiểm tra ATK (theo mẫu số 2), ký xác nhận và chuyển biểu mẫu cho cán bộ được lãnh đạo phân công. | Lái xe được giao nhiệm vụ vận chuyển | Sau khi được giao nhiệm vụ và trước khi cho xe khởi hành |
| 5 | <p>Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT tiếp nhận biểu Kết quả kiểm tra ATK từ các lái xe và ký xác nhận .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tất cả các nội dung KT đều đạt yêu cầu, xe được phép thực hiện nhiệm vụ vận chuyển. - Nếu có nội dung không đảm bảo yêu cầu, thì tùy theo mức độ sẽ cho sửa chữa, khắc phục ngay hoặc dừng xe đưa vào sửa chữa, đồng thời thông báo cho bộ phận điều độ bố trí xe khác thay thế. - Tập hợp, lưu trữ vào Hồ sơ theo dõi an toàn của từng phương tiện. | Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị có bộ phận ATGT) hoặc cán bộ được lãnh đạo phân công | Trước khi xe khởi hành thực hiện nhiệm vụ vận chuyển |

| | | | |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển qua thiết bị GSHT, nhắc nhở lái xe khi phát hiện chạy quá tốc độ và các nguy cơ gây mất ATGT. (áp dụng cho các phương tiện có lắp đặt thiết bị GSHT). - Thống kê các lỗi vi phạm về tốc độ xe chạy, báo cáo Lãnh đạo đơn vị xử lý. - Tổng hợp các sự cố mất an toàn giao thông trong quá trình xe hoạt động kinh doanh vận tải trên đường. Đưa ra phương án xử lý khi xảy ra các sự cố gây mất an toàn giao thông. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT | Khi xe đang hoạt động trên đường. |
| 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn giao thông trong quá trình điều khiển phương tiện vận chuyển hành khách và hàng hóa. - Báo cáo ngay thời gian, địa điểm và nguyên nhân khi xảy ra sự cố mất an toàn giao thông để đơn vị có biện pháp xử lý. | Lái xe | Khi xe đang hoạt động trên đường. |
| 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê số vụ, nguyên nhân, mức độ TNGT đã xảy ra của từng lái xe (nếu có) . - Xây dựng và thực hiện phương án xử lý khi xảy ra sự cố gây mất an toàn giao thông trong quá trình kinh doanh vận tải. - Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình kinh doanh vận tải. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT | Theo tháng, quý, năm |
| 9 | <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê quãng đường đã thực hiện được; - Trên cơ sở thống kê quãng đường xe đã thực hiện, căn cứ vào chế độ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện để thực hiện bảo dưỡng phương tiện theo đúng kỳ cấp. - Thống kê và theo dõi kết quả bảo dưỡng, sửa chữa của từng phương tiện | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT | Sau khi kết thúc hành trình |

MẪU SỐ 1

Đơn vị vận tải:.....

SỔ GIAO NHIỆM VỤ VẬN CHUYỂN CHO LÁI XE Năm 201....

| TT | Ngày tháng | Họ tên lái xe | Biển số xe | GPLX hợp lệ | Chứng nhận kiểm định ATKTKT | Giấy tờ giao thêm cho lái xe (Lệnh VC, HD, Giấy v/c) | Đã thông báo cho lái xe các vấn đề về ATGT | Đã thông báo cho lái xe các yêu cầu vận chuyển | Kết quả kiểm tra nồng độ cồn (nếu có) | Người giao nhiệm vụ ký | Lái xe ký |
|----|------------|---------------|------------|-------------|-----------------------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------|-----------|
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

MẪU SỐ 2

Đơn vị vận tải:.....

Ngày... tháng ... năm 201....

KẾT QUẢ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT PHƯƠNG TIỆN TRƯỚC KHI THAM GIA HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI

Họ và tên lái xe: đã thực hiện việc kiểm tra ATKTK của xe mang biển kiểm soát:

| T | Ngày kiểm tra | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | | | 28 | 29 | 30 | 31 | Ghi chú |
|-------------------------------------------|---------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|-------|-------|----|----|----|----|----------------|
| T | Nội dung kiểm tra | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Nước làm mát | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Dầu động cơ | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Bình điện (Ắc quy) | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Các dây cu roa | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Độ chặt của bu lông các bánh xe | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Tình trạng và áp suất của lốp | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Thiết bị GSHT | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Gạt nước | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Còi | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | Các loại đèn | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | Hệ thống lái | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | Hệ thống phanh | | | | | | | | | | | | | | |
| Lái xe ký tên | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cán bộ tiếp nhận kết quả KT ký tên | | | | | | | | | | | | | | | |

- Hướng dẫn:**
- Đạt yêu cầu kỹ thuật đánh dấu: O
 - Không đạt yêu cầu, nhưng có thể sửa chữa khắc phục ngay đánh dấu: Δ
 - Không đạt yêu cầu, phải dừng xe để sửa chữa, đánh dấu: X

Phụ lục 9

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ

| | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| ..(Đơn vị tổ chức tập huấn).... | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> | |
| Số: | GIẤY CHỨNG NHẬN TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ | |
| <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Ảnh 3 x 4 (có đóng dấu giáp lai)</div> | Họ và tên: | |
| | Ngày, tháng, năm sinh: | |
| | Địa chỉ thường trú: | |
| | Giấy CMND số: | |
| | Đã qua lớp tập huấn tại: | |
| | Thời gian từ ngày....tháng....năm.....đến ngày....tháng....năm..., ngày..... tháng..... năm..... | |
| GCN có giá trị đến | Thủ trưởng đơn vị (Ký tên, đóng dấu) | |

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

- Kích thước Giấy chứng nhận: dài 90 mm, rộng 60 mm.
- Ảnh chụp không quá 06 tháng. Đơn vị cấp Giấy đóng dấu giáp lai ở góc bên phải phía dưới ảnh.
- Giấy chứng nhận này chỉ cấp cho lái xe kinh doanh vận tải, nhân viên phục vụ trên xe, người điều hành vận tải đã hoàn thành khoá tập huấn theo nội dung quy định.
- Giấy chứng nhận có giá trị tối đa 03 năm, kể từ ngày cấp và không có giá trị thay thế giấy tờ tùy thân.
- Giấy chứng nhận sẽ không có giá trị khi bị tẩy xoá hoặc có sự thay đổi nội dung.

Phụ lục 10

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu khẩu hiệu

1. Hình minh họa:

TÍNH MẠNG CON NGƯỜI LÀ TRÊN HẾT

2. Kiểu (phông) chữ: Times New Roman in hoa đậm; cỡ chữ: 24.

3. Kích thước khẩu hiệu:

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$

Chiều rộng: $C_{\text{rộng}} = 50\text{mm} \pm 15\text{mm}$

4. Màu sắc của khẩu hiệu:

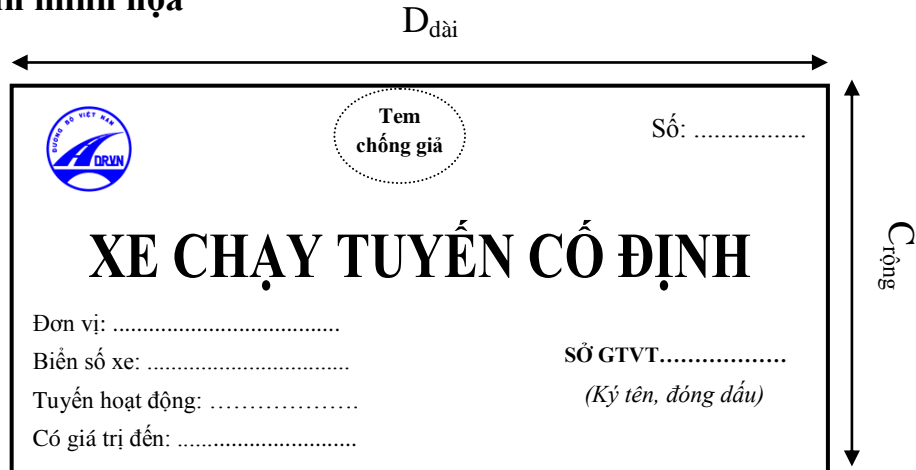
Viền và chữ màu xanh lá cây đậm, nền màu trắng.

Phụ lục 11

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHÙ HIỆU “XE CHẠY TUYẾN CỐ ĐỊNH”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

| Nội dung | Kiểu chữ | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|----------------|
| "Số/....." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |
| "XE CHẠY TUYẾN CỐ ĐỊNH" | Times New Roman (in hoa) | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị" "Biển số xe" "Tuyến hoạt động" "Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |

Nội dung “Tuyến hoạt động: phải ghi cả tên bến xe nơi đi và bến xe nơi đến”, ví dụ: Tuyến hoạt động: TPHCM (bến xe Miền Đông) – Hà Nội (Bến xe Nước Ngâm).

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$

4. Màu sắc của các loại phù hiệu

a) Phù hiệu xe chạy tuyến cố định có cự ly trên 300 km

Khung viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách loại trên 30 ghế.

b) Phù hiệu xe chạy tuyến cố định có cự ly đến 300 km

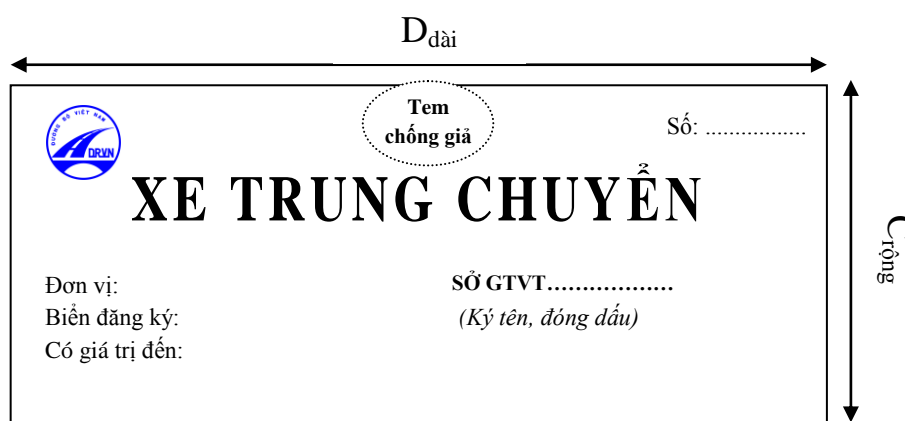
Khung viền và chữ màu xanh đậm nền màu hồng nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách loại trên 30 ghế.

Phụ lục 12

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phù hiệu “XE TRUNG CHUYÊN”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

| Nội dung | Kiểu chữ | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| "Số/....." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |
| "XE TRUNG CHUYÊN" | Times New Roman (in hoa) kéo dẫn | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:" "Biển đăng ký:" "Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

Khung viền và chữ bên trong màu tím, nền màu trắng in chìm hình một chiếc xe khách 16 ghế.

Phụ lục 13

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm

CHẤP THUẬN

.....(1).... **TUYỂN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**
BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi:(tên doanh nghiệp, HTX gửi hồ sơ đăng ký).....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô:

Sở Giao thông vận tải..... chấp thuận cho.....(1)... (2)....:

Tên tuyến:đi và ngược lại (3).

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh (TP)(tỉnh đi).....)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh (TP).....(tỉnh đến)....)

Hành trình chạy xe:

Cự ly vận chuyển: km

Số chuyến/ngày/tuần/tháng:.....

Giờ xuất bến:

- Tại bến đi: giờ.... phút, vào các ngày.....

- Tại bến đến:.....giờ.... phút, vào các ngày.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục ĐBVN;
- Sở GTVT liên quan;
- Bến xe hai đầu tuyến;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Ghi tên doanh nghiệp, HTX gửi hồ sơ đăng ký.

(2) Ghi một trong các nội dung sau: khai thác tuyến/ tăng (giảm) tần suất chạy xe/ngừng hoạt động tuyến.

(3) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh).

Phụ lục 14

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ(1).... TUYỂN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: do ...(tên cơ quan cấp).... cấp ngày/...../.....
5. Đăng ký(1).....tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:Nơi đến:(2)
Bến đi: Bến đến:
Cự ly vận chuyên:km
Hành trình chạy xe:
6. Công văn chấp thuận khai thác số:/..... do.....(ghi tên cơ quan cấp)
.....cấp ngày/...../.....(3)

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi một trong các nội dung sau: đăng ký khai thác/ tăng (giảm) tần suất chạy xe/ngừng hoạt động tuyến.
- (2) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh).
- (3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

Phụ lục 15

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng....năm.....

PHƯƠNG ÁN

KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:

Tên tuyến:đi..... và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyên:.....km.

Hành trình:

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài))trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.....

-

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ....phút, vào các ngày.

-

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
|-------------|--------------------|------------|---------|---------------|-----------------------|
| 1. | | | | | |
| 2. | | | | | |
| ... | | | | | |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
|-------------|--------------------|------------|---------|---------------|-----------------------|
| 1. | | | | | |
| 2. | | | | | |
| ... | | | | | |

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
|-------------|--------------------|------------|---------|---------------|-----------------------|
| 1. | | | | | |
| 2. | | | | | |
| ... | | | | | |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
|-------------|--------------------|------------|---------|---------------|-----------------------|
| 1. | | | | | |
| 2. | | | | | |
| ... | | | | | |

III. Đoàn phương tiện:

| TT | Nhãn hiệu xe | Năm sản xuất | Sức chứa | Tiêu chuẩn khí thải | Số lượng (chiếc) |
|----|------------------|--------------|----------|---------------------|------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | ... | ... | ... | ... | ... |
| | Tổng cộng | | | | |

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

| TT | Nốt (tài) | Số lượng lái xe | Số lượng nhân viên phục vụ | Ghi chú |
|----|-------------|-----------------|----------------------------|---------|
| 1 | Nốt (tài) 1 | | | |

| | | | | |
|---|-------------|--|--|--|
| 2 | Nốt (tài) 2 | | | |
| | | | | |

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từđến.....):đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:....., sức chứa:....., năm sản xuất

- Số lượng xe:.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 16

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

.....(1).... TUYÊN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH

Kính gửi:(Sở Giao thông vận tải, Bến xe nơi đi, Bến xe nơi đến)

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:ngày/...../.....
do(tên cơ quan cấp) cấp.
5. Kể từ ngày...../...../.....Doanh nghiệp (HTX) sẽ.....(1)....trên tuyến
.....
6. Danh sách xe bổ sung hoặc thay thế:

| TT | Biển kiểm soát | Số ghế | Tên đăng ký sở hữu xe | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến đã được chấp thuận khai thác |
|-----|----------------|--------|-----------------------|--------------|---------------|--------------|------------------------------------|
| 1 | | | | | | | Bến đi....-Bến đến... |
| 2.. | | | | | | | Bến đi....-Bến đến... |

7. Danh sách xe ngừng:

| TT | Biển kiểm soát | Số ghế | Tên đăng ký sở hữu xe | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến đã được chấp thuận khai thác |
|-----|----------------|--------|-----------------------|--------------|---------------|--------------|------------------------------------|
| 1 | | | | | | | Bến đi....-Bến đến... |
| 2.. | | | | | | | Bến đi....-Bến đến... |

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi một trong các nội dung sau: ngừng khai thác tuyến hoặc bổ sung nhưng không làm tăng tần suất chạy xe, thay thế xe.

Phụ lục 17

*Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TÊN ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Điện thoại:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

LỆNH VẬN CHUYỂN

Dùng cho xe ô tô vận chuyển hành khách tuyến cố định

Có giá trị từ ngày đến ngày

| | | | | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------|
| Cấp cho Lái xe 1:..... hạng GPLX:..... Lái xe 2:..... hạng GPLX:..... Nhân viên phục vụ trên xe:..... | | | | Thủ trưởng đơn vị (Ký tên và đóng dấu) |
| Biển số đăng ký:..... Số ghế (gường nằm):... .. Loại xe:..... Bến đi, bến đến:..... Mã số tuyến:..... Hành trình tuyến:..... | | | | Cán bộ kiểm tra kiểm tra xe |
| Lượt xe thực hiện | Bến xe đi, đến | Giờ xe chạy | Số khách | Bến xe (Ký tên và đóng dấu) |
| Lượt đi | Bến xe đi:..... | xuất bến giờ ngày..... | | |
| | Bến xe nơi đến: | đến bến giờ ngày..... | | |
| Lượt về | Bến xe đi:..... | xuất bến giờ ngày..... | | |
| | Bến xe nơi đến: | đến bến giờ ngày..... | | |
| LÁI XE 1 (Ký và ghi rõ họ tên) | | LÁI XE 2 (Ký và ghi rõ họ tên) | | NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE (Ký và ghi rõ họ tên) |

*** Ghi chú:**

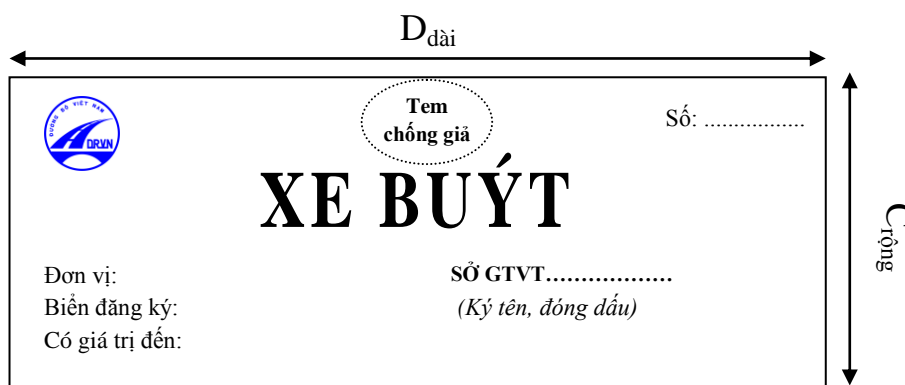
- Bến xe ghi vào ô ngày giờ đi đến, đóng dấu.
- Trên một tờ Lệnh vận chuyển chỉ được phép bố trí tối đa 4 lượt đi và 4 lượt về.
- Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị kinh doanh vận tải bổ sung các nội dung khác để phục vụ công tác quản lý điều hành của đơn vị.

Phụ lục 18

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phù hiệu “XE BUÝT”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

| Nội dung | Kiểu chữ | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| "Số/....." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |
| "XE BUÝT" | Times New Roman (in hoa) kéo dẫn | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:" "Biển đăng ký:" "Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$

Chiều rộng: $C_{\text{rộng}} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

Khung viền và chữ bên trong màu đỏ, nền màu vàng nhạt in chìm hình một chiếc xe buýt.

Phụ lục 19

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KÝ BIỂU TRƯNG (LOGO) CỦA XE TAXI, MÀU SƠN CỦA XE BUÝT

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
 2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
 3. Trụ sở:
 4. Số điện thoại (Fax):
 5. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do.....
cấp ngày tháng..... năm
-(Tên doanh nghiệp/HTX)....đăng ký màu sơn xe buýt thuộc đơn vị với đặc
trung như sau:
-(Tên doanh nghiệp/HTX)....đăng ký biểu trưng (logo) của xe taxi như
sau:.....

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện doanh nghiệp, HTX

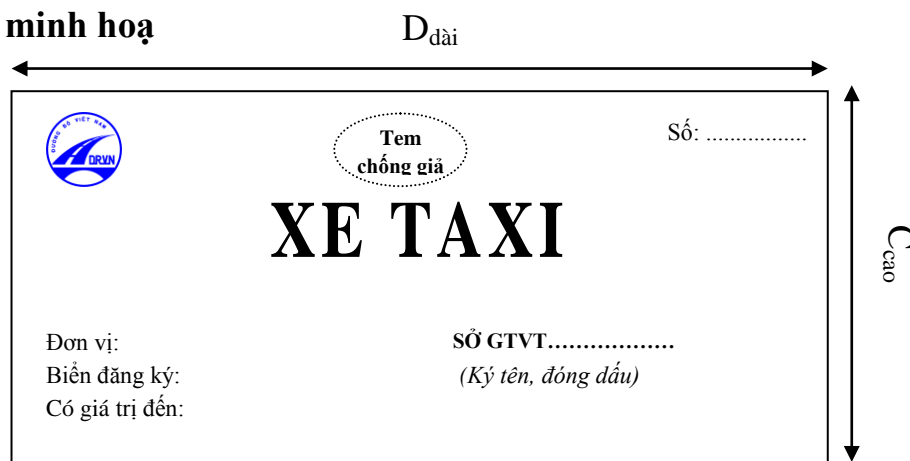
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 20

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phù hiệu “XE TAXI”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

| Nội dung | Kiểu chữ | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|------------------|-------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| "Số/....." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |
| "XE TAXI" | Times New Roman (in hoa) kéo dẫn | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:" | | Cỡ chữ 16 - 18 | |
| "Biển đăng ký:" | Times New Roman | | |
| "Có giá trị đến" | | | |

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$

Chiều cao: $C_{cao} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

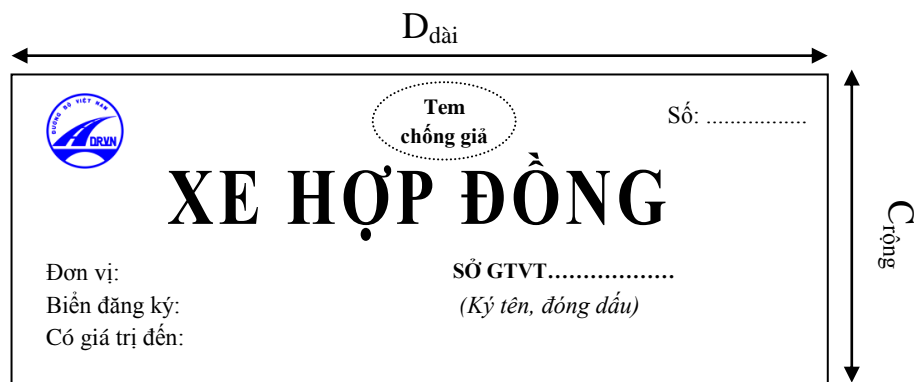
Chữ bên trong màu xanh đậm, khung viền cùng màu chữ, nền hoa văn của biển hiệu màu hồng nhạt in chìm hình một chiếc xe ô tô 5 chỗ ở chính giữa phù hiệu.

Phụ lục 21

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

| Nội dung | Kiểu chữ | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|--------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|----------------|
| "Số/....." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |
| "XE HỢP ĐỒNG" | Times New Roman (in hoa) | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:" "Biển đăng ký:" "Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$

Chiều rộng: $C_{\text{rộng}} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

a) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300km

Viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách loại 24 ghế.

b) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300km

Viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách loại 24 ghế.

Phụ lục 22

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị kinh doanh:
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

(Kèm theo Hợp đồng vận chuyển số/..... ngày tháng năm)

| STT | Họ tên hành khách | Năm sinh | Ghi chú |
|-------|----------------------|----------|---------|
| | | | |
| | Tổng số: người | | |

Đơn vị kinh doanh
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Đại diện tổ chức, cá nhân
bên thuê vận tải
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

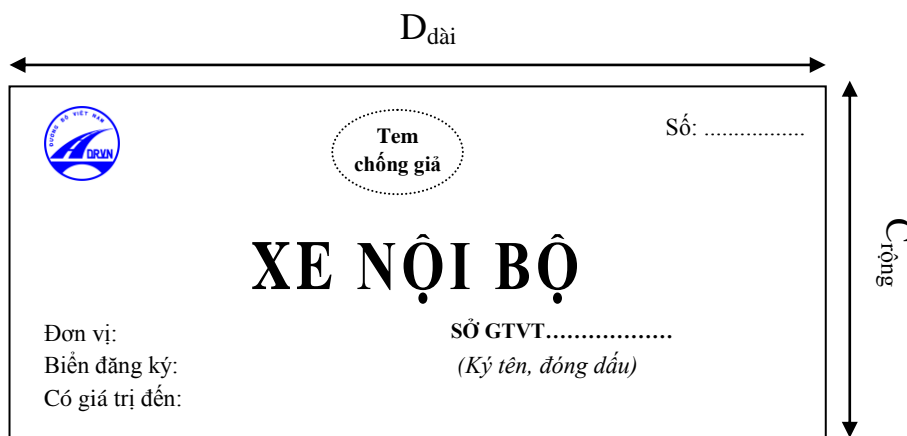
Ghi chú: Đơn vị kinh doanh đóng dấu treo vào tất cả các trang của danh sách.

Phụ lục 23

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phù hiệu “XE NỘI BỘ”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

| Nội dung | Kiểu chữ | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| "Số/....." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |
| "XE NỘI BỘ" | Times New Roman (in hoa) kéo dãn | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:" "Biển đăng ký:" "Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$

Chiều rộng: $C_{\text{rộng}} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu: Khung viền và chữ bên trong màu xanh, nền màu trắng.

Phụ lục 24

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:(Sở Giao thông vận tải)

1. Tên đơn vị vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...) |
|----|----------------|----------|--------------|---------------|--------------|------------------------------------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| .. | | | | | | |

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

Phụ lục 25

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Sở GTVT:...(1)....
Số: /.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT ..(2).....

Sở GTVT ...(1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do.....
cấp ngày tháng..... năm

Đề nghị Sở GTVT ...(2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của(tên doanh nghiệp/HTX)...chưa được cấp Phù hiệu (**hoặc đã trả lại phù hiệu**) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT ...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

Phụ lục 26

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

NIÊM YẾT THÔNG TIN TRÊN XE Ô TÔ TẢI, Ô TÔ ĐẦU KÉO, RƠ MOỐC, SƠ MI RƠ MOỐC

I. Xe ô tô tải

a) Vị trí: Trên cánh cửa xe

b) Nội dung:

| |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>- TÊN ĐƠN VỊ VẬN TẢI (chữ in hoa) - Số điện thoại:</p> <p><i>Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)</i></p> <hr/> <p><i>Khối lượng bản thân (tấn)</i></p> <hr/> <p><i>Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)</i></p> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

(khung bao ngoài có thể bố trí dạng hình chữ nhật, hình tròn hoặc bán nguyệt)

II. Xe ô tô đầu kéo

a) Vị trí: Trên cánh cửa xe

b) Nội dung:

| |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>- TÊN ĐƠN VỊ VẬN TẢI (chữ in hoa) - Số điện thoại:</p> <p><i>Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)⁽¹⁾</i></p> <hr/> <p><i>Khối lượng bản thân (tấn)</i></p> <hr/> <p><i>Khối lượng toàn bộ cho phép kéo theo (tấn)</i></p> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

(khung bao ngoài có thể bố trí dạng hình chữ nhật, hình tròn hoặc bán nguyệt)

(1): Khối lượng toàn bộ của sơ mi rơ moóc phân bố lên cơ cấu kéo (mâm xoay).

III. RƠ MOỐC, SƠ MI RƠ MOỐC

a) Vị trí:

- Trường hợp rơ moóc và sơ mi rơ moóc có thành thùng chở hàng: Mặt ngoài hai bên thành thùng

- Trường hợp rơ moóc và sơ mi rơ moóc không có thành thùng chở hàng:
Niêm yết thông tin trên bảng bằng kim loại được gắn với khung xe tại vị trí dễ
quan sát bên cạnh hoặc phía sau.

b) Nội dung, hình thức:

- Kích thước:

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 400\text{mm} \pm 50\text{mm}$

Chiều rộng: $C_{\text{rộng}} = 300\text{mm} \pm 50\text{mm}$

- TÊN ĐƠN VỊ VẬN TẢI (chữ in hoa)

- Số điện thoại:

Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)

Khối lượng bản thân (tấn)

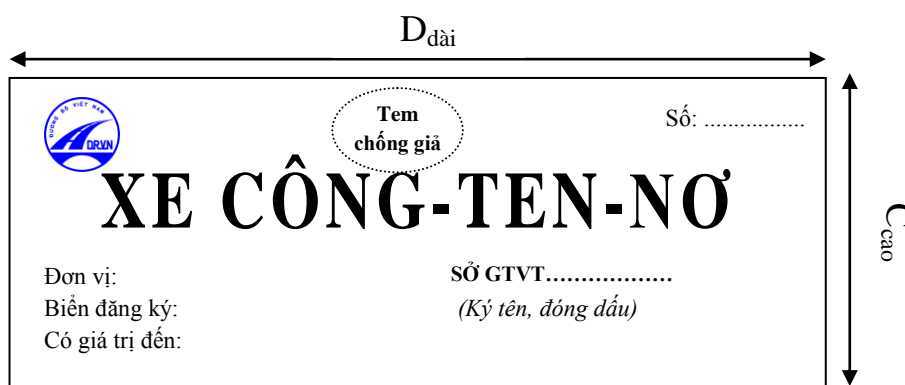
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)

Phụ lục 27a

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phù hiệu “XE CÔNG - TEN - NƠ”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

| Nội dung | Kiểu chữ | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| "Số/....." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |
| "XE CÔNG-TEN-NƠ" | Times New Roman (in hoa) kéo dẫn | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:" "Biển đăng ký:" "Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$

Chiều cao: $C_{cao} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

a) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300km

Khung viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt in chìm hình một chiếc xe công-ten-nơ.

b) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300km

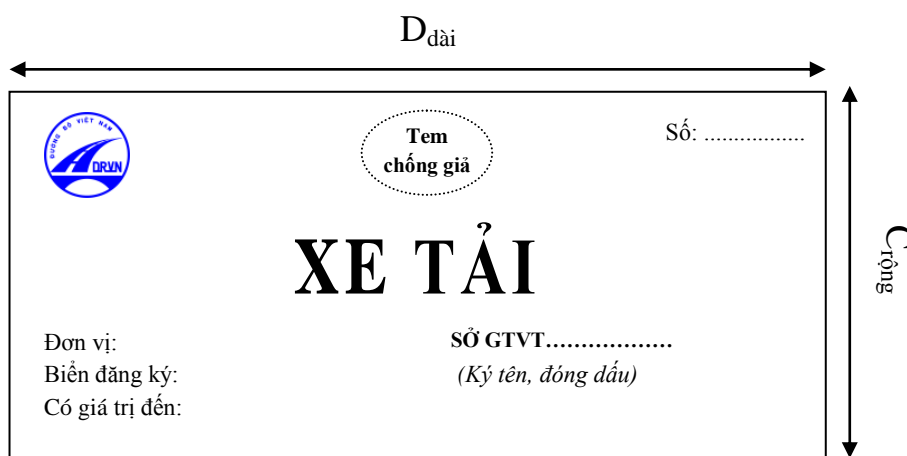
Viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình một chiếc xe công-ten-nơ.

Phụ lục 27b

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phù hiệu “XE TẢI”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

| Nội dung | Kiểu chữ | Chiều cao chữ (chưa có dấu) | Chiều rộng chữ |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|----------------|
| "Số/....." | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |
| "XE TẢI" | Times New Roman (in hoa) kéo dẫn | 20mm ± 3mm | 15mm ± 3mm |
| "Đơn vị:" "Biển đăng ký:" "Có giá trị đến" | Times New Roman | Cỡ chữ 16 - 18 | |

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

a) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300km

Khung viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt in chìm hình một chiếc xe tải.

b) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300km

Khung viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình một chiếc xe tải.

Phụ lục 28

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

GIẤY VẬN TẢI

Số: Có giá trị đến.....

Biển kiểm soát xe:

| | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Thông tin về đơn vị kinh doanh | 2. Thông tin về người lái xe |
| Đơn vị vận tải: | Họ tên lái xe: |
| Địa chỉ: | Giấy phép lái xe số: |
| Số điện thoại liên hệ: | Số điện thoại liên hệ: |
| 3. Thông tin về người thuê vận tải (Dành cho đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa kê khai) | 4. Thông tin về hợp đồng vận tải (Dành cho đơn vị kinh doanh vận tải) |
| Tên người thuê vận chuyên: | Số hợp đồng: |
| Địa chỉ: | Ngày tháng năm |
| 5. Thông tin về chuyến đi | 6. Thông tin về hàng hóa |
| Tuyến vận chuyên: | Tên hàng hóa: |
| Điểm xếp hàng: | Khối lượng hàng hóa: |
| Điểm giao hàng: | Thông tin khác: |
| Thời gian vận chuyên dự kiến:..... Bắt đầu từ:.....(giờ) đến.....(giờ) | |
| Tổng số Km dự kiến: | |
| 7. Thông tin về rơ moóc, sơ mi rơ moóc | |
| Biên số rơ moóc, sơ mi rơ moóc | |
| 8. Phần dành cho người xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống xe ghi | |

| Thông tin về xếp hàng lên xe | Thông tin về dỡ hàng xuống xe |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Xếp lần 1: Địa điểm:..... Khối lượng hàng:..... thời gian:.... Xác nhận của người xếp hàng: | - Dỡ lần 1: Địa điểm:..... Khối lượng hàng:..... thời gian:..... Xác nhận của người dỡ hàng: |
| - Xếp lần 2: Địa điểm:..... Khối lượng hàng:..... thời gian:..... Xác nhận của người xếp hàng: | - Dỡ lần 2: Địa điểm:..... Khối lượng hàng:..... thời gian:..... Xác nhận của người dỡ hàng: |

....., ngày tháng năm
 Đơn vị vận tải
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu quản lý, Đơn vị vận tải có thể bổ sung các thông tin khác ngoài các thông tin đã nêu trên.

Phụ lục 29

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX:..... CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA

.....(tên bến xe hàng)..... **VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp)
số..... do.....cấp ngày tháng..... năm

6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT.....kiểm tra, xác nhận và công bố đưa.....(tên bến xe hàng)..... thuộc tỉnh:..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên bến xe:.....
- Địa chỉ:(1).....
- Tổng diện tích đất: (2).....

....(tên đơn vị).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện Doanh nghiệp, Hợp tác xã

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.
- (2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

Phụ lục 30

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

UBND tỉnh, TP.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đưa(tên bến xe hàng)..... vào khai thác GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định sốngàytháng ...năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải.

Căn cứ Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Căn cứ văn bản kiểm tra của Sở Giao thông vận tải ngày...../...../.....

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa (tên bến xe hàng)..... vào khai thác với các nội dung sau:

- Tên bến xe hàng:.....
- Tên đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác:
- Địa chỉ (1)
- Tổng diện tích đất:.....
- Diện tích kho hàng kín:
- Diện tích đỗ xe:

Điều 2. (bến xe hàng)..... được kinh doanh, khai thác kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Các ông (bà).....,(cơ quan, tổ chức thực hiện).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu.

Sở Giao thông vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của Bến xe hàng.

Phụ lục 31

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên Đơn vị kinh doanh vận tải: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ,.....(tên đơn vị vận tải)....báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong tháng.....năm..... như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách theo tuyến cố định:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Ghi chú |
|----|-----------------------------|--------|---------|
| 1 | Số tuyến tham gia khai thác | Tuyến | |
| | - Tuyến nội tỉnh | -nt- | |
| | - Tuyến liên tỉnh | -nt- | |
| 2 | Số lượng phương tiện | xe | |
| | - Tuyến nội tỉnh | -nt- | |
| | - Tuyến liên tỉnh | -nt- | |
| 3 | Tổng số chuyến xe thực hiện | Chuyến | |
| | - Tuyến nội tỉnh | Chuyến | |
| | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % | |
| | - Tuyến liên tỉnh | Chuyến | |
| | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % | |

2. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Ghi chú |
|----|-----------------------------|--------|---------|
| 1 | Số tuyến tham gia khai thác | Tuyến | |
| | - Số tuyến có trợ giá | -nt- | |
| 2 | Số lượng phương tiện | xe | |
| 3 | Tổng số chuyến xe thực hiện | Chuyến | |
| 4 | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % | |

| | | | |
|---|----------------------------|------------|--|
| 5 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách | |
| 6 | Trợ giá (nếu có) | 1000đ | |

3. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe taxi:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|---------------|----------------|
| 1 | Số lượng phương tiện | xe | |
| 2 | Lượt xe thực hiện | Lượt | |
| 3 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách | |

4. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách theo hợp đồng:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|---------------|----------------|
| 1 | Số lượng phương tiện | xe | |
| | - Sức chứa dưới 25 chỗ | -nt- | |
| | - Sức chứa từ 25 – 38 chỗ | -nt- | |
| | - Sức chứa từ trên 38 chỗ | -nt- | |
| 2 | Số chuyến xe thực hiện | Chuyến | |
| 3 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách | |

5. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe du lịch:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|---------------|----------------|
| 1 | Số lượng phương tiện | xe | |
| 2 | Số chuyến xe thực hiện | Chuyến | |
| 3 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách | |

6. Kết quả thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông (báo cáo theo các nội dung của Kế hoạch quy định tại Phụ lục 8a của Thông tư này).

7. Thuận lợi, khó khăn:

8. Đề xuất, kiến nghị:

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 32

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên Đơn vị kinh doanh CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ,.....(tên đơn vị vận tải).... báo cáo kết quả hoạt động vận tải của đơn vị trong tháng.....năm..... như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Số lượng |
|----|--------------------------------|--------|----------|
| 1 | Số lượng phương tiện | xe | |
| | - Xe công ten nơ | -nt- | |
| | - Xe taxi tải | -nt- | |
| 2 | Sản lượng hàng hóa vận chuyển | Tấn | |
| | - Xe tải khác | -nt- | |
| | - Xe Công ten nơ | -nt- | |
| 3 | Sản lượng luân chuyển hàng hóa | Tấn.km | |
| | - Xe taxi tải | -nt- | |
| | - Xe tải khác | -nt- | |

2. Kết quả thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông(báo cáo theo các nội dung của Kế hoạch quy định tại Phụ lục 8a Thông tư này).

3. Thuận lợi, khó khăn:.....

4. Đề xuất, kiến nghị:

Đại diện đơn vị kinh doanh

Ký tên, đóng dấu

Phụ lục 33

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI NĂM.....

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ,.....(Sở GTVT làm báo cáo).... báo cáo kết quả hoạt động vận tải trên địa bàn địa phương trong năm..... như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách

a) Vận chuyển hành khách liên tỉnh theo tuyến cố định

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Số lượng |
|----|-------------------------------------|--------|----------|
| 1 | Tổng số đơn vị vận tải trên địa bàn | Đơn vị | |
| | - Doanh nghiệp | -nt- | |
| | - Hợp tác xã | -nt- | |
| 2 | Tổng số tuyến | Tuyến | |
| | - Tuyến nội tỉnh | -nt- | |
| | - Tuyến liên tỉnh | -nt- | |
| 3 | Tổng số phương tiện | xe | |
| | - Tuyến nội tỉnh | -nt- | |
| | - Tuyến liên tỉnh | -nt- | |
| 4 | Tổng chuyển xe thực hiện | Chuyển | |
| | - Tuyến nội tỉnh | -nt- | |
| | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % | |
| | - Tuyến liên tỉnh | Chuyển | |
| | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % | |

* Ghi chú: Chỉ tổng hợp số liệu báo cáo của các doanh nghiệp, HTX có trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh tại địa phương.

b) Vận chuyển hành khách theo hợp đồng

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Ghi chú |
|----|-------------------------|--------|---------|
| 1 | Tổng số đơn vị tham gia | Đơn vị | |
| | - Doanh nghiệp | -nt- | |

| | | | |
|---|--------------------------------------------------------|--------------|--|
| | - Hợp tác xã - Hộ kinh doanh | -nt- -nt- | |
| 2 | Tổng số phương tiện - Sức chứa dưới 25 chỗ | xe -nt- | |
| | - Sức chứa từ 25 – 38 chỗ - Sức chứa từ trên 38 chỗ | -nt- -nt- | |
| 3 | Số chuyến xe thực hiện | Chuyến | |
| 4 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách | |

c) Vận chuyển hành khách bằng xe du lịch

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Số lượng |
|----|--------------------------------------------------------|----------------|----------|
| 1 | Tổng số đơn vị tham gia - Doanh nghiệp | Đơn vị -nt- | |
| | - Hợp tác xã - Hộ kinh doanh | -nt- -nt- | |
| 2 | Tổng số phương tiện - Sức chứa dưới 25 chỗ | xe -nt- | |
| | - Sức chứa từ 25 – 38 chỗ - Sức chứa từ trên 38 chỗ | -nt- -nt- | |
| 3 | Số chuyến xe thực hiện | Chuyến | |
| 4 | Sản lượng khách vận chuyển | Lượt khách | |

d) Vận chuyển hành khách bằng xe buýt

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Số lượng |
|----|-------------------------------------------------|---------------|----------|
| 1 | Tổng số tuyến - Số tuyến có trợ giá (nếu có) | Tuyến -nt- | |
| 2 | Tổng phương tiện | xe | |
| 3 | Tổng số chuyến xe thực hiện | Chuyến | |
| 4 | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | % | |
| 5 | Tổng trợ giá (nếu có) | Tr.đ | |

2. Kết quả hoạt động vận tải hàng hóa

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Số lượng |
|----|--------------------------------------------------------|--------------|----------|
| 1 | Tổng phương tiện - Xe Công ten nơ | xe -nt- | |
| | - Xe taxi tải - Xe tải khác | -nt- -nt- | |
| 2 | Tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển - Xe Công ten nơ | Tấn -nt- | |
| | - Xe taxi tải - Xe tải khác | -nt- -nt- | |

| | | | |
|---|---------------------------------------------------------|----------------|--|
| 3 | Tổng sản lượng luân chuyển hàng hóa - Xe Công ten nơ | Tấn.km -nt- | |
| | - Xe taxi tải - Xe tải khác | -nt- -nt- | |

3. Kết quả thực hiện kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông (báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị trên địa bàn).

4. Thuận lợi, khó khăn:

5. Đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GTVT (để báo cáo);
-

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 34

Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO NỘI DUNG HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN

Kính gửi: Sở GTVT ..(1).....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải.....
2. Trụ sở:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Email:.....
5. Một số nội dung của hợp đồng:
 - a) Hành trình (điểm đầu, điểm cuối, điểm đón, trả khách).....
 - b) Thời gian thực hiện hợp đồng (ghi rõ giờ, ngày tháng năm).....
 - c) Số lượng khách.....
 - d) Các nội dung khác.....

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên Sở Giao thông vận tải địa phương nơi cấp phù hiệu, biển hiệu.

Phụ lục 35

*Ban hành kèm theo Thông tư số: /TT-BGTVT ngày tháng năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

QUY TRÌNH ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG VÀ GIẢI QUYẾT CHO XE RA VÀO BẾN XE

1. Các công việc thực hiện khi xe vào bến xe khách

Khi xe vào bến, nhân viên bến xe khách phải thực hiện các công việc sau:

- a) Kiểm tra, xác định phương tiện để đảm bảo phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động vận tải tại bến. Xác nhận xe đến bến.
- b) Hướng dẫn lái xe đưa xe vào đúng vị trí quy định để trả khách.
- c) Sau khi xe trả khách xong, hướng dẫn lái xe đưa xe vào vị trí đỗ xe chờ vào vị trí đón khách.

2. Bố trí tài chuyển và đón khách

Trước khi thực hiện đăng ký tài chuyển cho xe, nhân viên bến xe phải thực hiện kiểm tra và ghi chép vào sổ theo dõi xe ra, vào bến hoặc cập nhật vào phần mềm quản lý bến xe (nếu có) các nội dung sau:

- a) Điều kiện an toàn giao thông của xe ô tô gồm: đăng ký xe, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, phù hiệu dán trên kính xe, thiết bị giám sát hành trình có hoạt động, bình chữa cháy, dụng cụ thoát hiểm.
- b) Điều kiện của lái xe ô tô gồm: giấy phép lái xe, thẻ tên, đồng phục, lệnh vận chuyển.
- c) Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải đã đăng ký với cơ quan quản lý tuyến; kiểm tra việc niêm yết giá vé, niêm yết các thông tin trên xe.

Trường hợp đủ điều kiện, bến xe khách bố trí tài chuyển theo kế hoạch hàng ngày hoặc theo hợp đồng đơn vị vận tải đã ký kết với bến xe khách (phù hợp với phương án chạy xe đã được cơ quan quản lý tuyến chấp thuận); đồng thời thực hiện việc bán vé cho hành khách đi xe nếu đơn vị vận tải ủy thác cho bến xe khách bán vé.

Đơn vị kinh doanh, bến xe khách không được cho xe xuất bến vận chuyển khách và chỉ giải quyết cho xe về đơn vị hoàn thiện các điều kiện theo quy định (trừ trường hợp lái xe sử dụng rượu bia, chất ma túy, không có Giấy phép lái xe hoặc có nhưng đã hết thời hạn thì đơn vị vận tải phải thay lái xe đủ điều kiện mới được cho xe ra khỏi bến) Trong các trường hợp sau đây: Biện kiểm soát xe hoặc lái xe không đúng theo Lệnh vận chuyển; phương tiện không đáp ứng đầy đủ các quy định tại Điều 11 của Thông tư này; khi phát hiện người lái xe sử dụng rượu bia, chất ma túy; lái xe không mặc đồng phục hoặc không đeo thẻ tên theo quy định; xe hoặc lái xe không đủ giấy tờ theo quy định; không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo nội dung chất lượng dịch vụ vận tải đã đăng ký.

Trong trường hợp cơ quan chức năng thu giữ giấy tờ của xe hoặc lái xe để xử lý vi phạm thì lái xe và phương tiện được hoạt động hết vòng xe đang thực hiện.

d) Đến giờ quy định, nhân viên bến xe hướng dẫn đưa xe vào vị trí đón khách.

đ) Nhân viên bến xe chịu trách nhiệm kiểm tra để bảo đảm: Trên xe không xếp quá số lượng người được phép chở; hành khách đi xe đều có vé và được sắp xếp đúng chỗ theo số ghi trên vé.

Giám sát quá trình vận chuyển và xếp hàng hóa, hành lý lên xe trong khu vực bến để phát hiện, ngăn chặn việc vận chuyển hàng cấm, hàng dễ cháy, nổ, động vật sống trên xe khách; đảm bảo việc xếp hàng hóa trên xe được thực hiện đúng quy định và không xếp hàng hóa trên khoang hành khách. Khuyến khích các bến xe khách trang bị các thiết bị kỹ thuật để phát hiện hàng cấm, chất dễ cháy, nổ trong khu vực bến xe.

3. Các công việc giải quyết cho xe xuất bến

a) Trước thời gian xe xuất bến, nhân viên bến xe cùng với lái xe xác định tổng số vé đã bán được (trừ trường hợp đơn vị vận tải tự bán vé), thực hiện việc thanh toán các khoản dịch vụ và ký xác nhận, bàn giao các giấy tờ theo quy định.

b) Nhân viên bến xe chịu trách nhiệm ghi chép, xác nhận việc lái xe đã thực hiện đầy đủ các thủ tục quy định cho xe xuất bến.

c) Kiểm tra và xác nhận các thông tin trên lệnh vận chuyển trước khi cho xe ra khỏi bến.